

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 5 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 637/2022/TLST - HNGĐ ngày 14/3/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim V, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 62A, tổ 14, khu phố M phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn – bà Võ Thị Kim V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện , tỉnh Đồng Nai (này là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù bà và ông C đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên cho đến nay giữa bà và ông C vẫn không thể tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông C để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung là cháu Phạm Võ Kim N, sinh ngày 23/10/2007. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn – ông Phạm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2022 ông C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với phần trình bày của bà V về quan hệ hôn nhân. Nay ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà V.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Võ Kim N, sinh ngày 23/10/2007. Ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Võ Thị Kim V. Bà V được ly hôn với ông Phạm Văn C; Về con chung: Giao cháu Phạm Võ Kim N, sinh ngày 23/10/2007 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; về nợ chung: không có; Về án phí: Bà V phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Phạm Văn C hiện cư trú tại địa chỉ số nhà 62A, tổ 14, khu phố M, phường P, TP. B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – bà Võ Thị Kim V và bị đơn – ông Phạm Văn C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại các Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt bà V và ông C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim V và ông Phạm Văn C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B tỉnh Đồng Nai) trên cơ sở cả hai tự nguyện nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được và cương quyết xin ly hôn với ông C để trả tự do cho nhau. Tại bản tự khai ngày 05/4/2022, ông C cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay ông cũng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà V để trả tự do cho nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông C là có thật, đã xảy ra trong khoảng thời gian dài, hiện cả hai không thể tìm được tiếng nói chung có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hàn gắn, đoàn tụ cũng không đạt kết quả.

Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, giải quyết cho bà V được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà V và ông C có 01 con chung tên Phạm Võ Kim N, sinh ngày 23/10/2007.

Ly hôn bà V xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tạm thời bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 05/4/2022, ông C cũng đồng ý với yêu cầu trên của bà V.

Xét thấy yêu cầu và nguyện vọng nuôi con của bà V xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N; tạm thời bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của con. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái đến tuổi trưởng thành là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Ly hôn, ông C cũng đồng ý giao cháu N cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên chấp nhận yêu cầu của bà V: Giao cháu Phạm Võ Kim N, sinh ngày 23/10/2007 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà V phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 9, 11, 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Kim V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim V được ly hôn với ông Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Võ Kim N, sinh ngày 23/10/2007 cho bà Võ Thị Kim V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Võ Thị Kim V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001684 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Bà V đã nộp xong án phí.

Bà V và ông C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP.B;
- THADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- THADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- THADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP B
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

